

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 1911 /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 15 tháng 10 năm 2024

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 và năm 2024 (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 1) và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn ngân sách tỉnh quản lý; Nghị quyết 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 và Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Thông báo kết luận số 1324 -TB/TU ngày 30/9/2024 của Tỉnh ủy Quảng Bình về kết luận Hội nghị lần thứ 68 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2024 (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) với nội dung sau:

A. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị quyết 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; Nghị quyết 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023.

Qua rà soát tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2024 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý), có một số nguồn vốn dự kiến phân bổ cho các lĩnh vực không thực hiện và giải ngân hết. Trên cơ sở nhu cầu của các đơn vị, địa phương đề xuất đầu tư một số công trình cần thiết, cấp bách nhằm phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Do đó, để phát huy hiệu quả nguồn vốn, việc điều chỉnh giảm một số nguồn vốn trong kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2024 để bổ sung cho các dự án quan trọng cấp bách là cần thiết, phù hợp với quy định tại Khoản 7, Điều 67 Luật Đầu tư công và điều kiện thực tế của địa phương. Bên cạnh đó, nguồn vốn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2022 chưa sử dụng với số tiền 337.846 triệu đồng, được bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025: 281.380 triệu đồng và năm 2024 với số tiền: 56.466 triệu đồng để phân bổ cho các dự án.

B. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

I. Bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với các dự án đã bố trí từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất.

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 7, Điều 67 về thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách địa phương trong trường hợp: *“Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương”*.

Qua rà soát các dự án đã được UBND tỉnh phân bổ vốn năm 2022, 2023 từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất đã được Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua và UBND tỉnh đã có Quyết định phân bổ vốn hàng năm cho các dự án, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung 02 danh mục dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, với tổng số tiền: 348.000 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo)

II. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1. Số vốn điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

STT	Nguồn vốn	Số tiền (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số	1.010.317	
A	Tổng số nguồn vốn đầu tư công còn lại chưa phân bổ	728.937	
I	Các nguồn vốn đã có trong kế hoạch trung hạn chưa phân bổ	235.050	
1	Nguồn vốn đã bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn	235.050	Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 2/10/2023
II	Các nguồn vốn khác (điều chỉnh trung hạn để bố trí các dự án quan trọng)	493.887	
1	Dự phòng KH ĐTC trung hạn 2021-2025	55.637	
2	Đầu tư khắc phục thích ứng các khu vực ngập lụt	80.000	
3	Vốn đối ứng các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	75.000	

4	Dự án phát triển hạ tầng bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Bình (đang vận động, chưa triển khai)	100.000	
5	Dự phòng đối ứng các dự án ODA	130.000	
6	Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch (giai đoạn 2)	53.250	Dự kiến điều chỉnh giảm KH ĐTC trung hạn 53,25 tỷ đồng do đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép dừng dự án
B	Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2022	281.380	

2. Phương án phân bổ nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý

2.1. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ các dự án bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý):

- (1) Trả nợ các dự án hoàn thành, quyết toán và trả nợ XDCB;
- (2) Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA;
- (3) Bố trí vốn để đầu tư hoàn thành các dự án còn thiếu vốn do phát sinh về PCCC; GPMB, bổ sung thiết bị, nội thất...để hoàn thiện công trình.
- (4) Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới cần thiết, cấp bách.

2.2. Dự kiến phương án bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 (Đối với nguồn vốn còn lại chưa phân bổ) như sau:

- (1) Bố trí trả nợ xây dựng cơ bản với số tiền: 116.027 triệu đồng, cụ thể:

- Dự án Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh tỉnh Quảng Bình với số tiền 106,127 tỷ đồng: Căn cứ Luật Đầu tư công, Kết luận kiểm toán khu vực II năm 2016, căn cứ các quyết định phê duyệt quyết toán của dự án ở hai giai đoạn đã xác nhận khối lượng hoàn thành của dự án; Theo đề nghị của Chủ đầu tư (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình) tại Công văn số 1909/BCH-TC ngày 12/4/2023 và Tờ trình số 1946/TTr-BCH ngày 14/4/2023, dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng tháng 6/2014, sau khi quyết toán dự án tại Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 7/4/2023, số tiền còn thiếu của dự án là 106.127 triệu đồng, đề xuất bố trí giai đoạn 2021-2025 là 106.127 triệu đồng trả nợ cho dự án.

Tại các Quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án (Quyết định số 3112^a/QĐ-UBND ngày 30/10/2009, Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 17/9/2010, nguồn vốn của dự án được xác định là nguồn ngân sách nhà nước, vì vậy, trong điều kiện ngân sách trung ương không cân đối để bố trí cho dự án, để xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB theo kiến nghị của kiểm toán nhà nước, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh bố trí trả nợ cho dự án này từ nguồn ngân sách tỉnh.

- Dự án Kè biển Quảng Phú, huyện Quảng Trạch và Kè biển Nhân Trạch,

huyện Bồ Trách: sử dụng nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018. Hiện nay, dự án đã nghiệm thu hoàn thành và đã được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán tại Quyết định 556/QĐ-UBND ngày 17/03/2023 và 557/QĐ-UBND ngày 17/03/2023, đề xuất bổ sung KH ĐTC trung hạn để trả nợ cho 02 công trình với số tiền 9.900 triệu đồng.

(2) Bổ sung vốn đối ứng cho Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới (ADB): 33.800 triệu đồng.

(3) Bổ sung vốn để đầu tư hoàn thành các dự án còn thiếu vốn (bổ sung các hạng mục cần thiết, bổ sung chi phí thiết bị, nội thất, PCCC...) gồm 13 dự án, giai đoạn 2021-2025 với số tiền: 272.100 triệu đồng;

(4) Đầu tư lĩnh vực nông nghiệp: gồm 06 dự án để gia cố công trình hồ đập, thủy lợi, đê kè, đối ứng GPMB dự án nguồn vốn Trung ương. Đồng thời để nâng cao hiệu quả sử dụng của 02 cảng cá sớm đi vào hoạt động phát huy hiệu quả nguồn vốn đã đầu tư trong thời gian qua, đề xuất bố trí giai đoạn 2021-2025 với số tiền 121.000 triệu đồng;

(5) Đầu tư lĩnh vực giáo dục 140.000 triệu đồng: bao gồm (i) xây dựng, nâng cấp 07 trường THPT chưa đạt chuẩn, sau khi được đầu tư, sẽ nâng số trường THPT đạt chuẩn lên 24/32 trường, đạt tỷ lệ 75% (đạt được Mục tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra) với số tiền 70.000 triệu đồng; và (ii) hỗ trợ 07 huyện, thị xã xây dựng các trường học đạt tiêu chí trường chuẩn quốc gia theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra với số tiền 70.000 triệu đồng;

(6) Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã: Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-TW của Bộ Chính trị với mục tiêu đến hết năm 2025 phải hoàn thành xây dựng trụ sở công an cấp xã, trên cơ sở đề xuất của Công an tỉnh đề nghị đầu tư 56 trụ sở công an xã với số tiền giai đoạn 2021-2025 là 140.000 triệu đồng;

(7) Đầu tư trang thiết bị nghiệp vụ cho Công an tỉnh phòng chống tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao bố trí giai đoạn 2021-2025: 30.000 triệu đồng;

(8) Chuẩn bị đầu tư các dự án khắc phục, thích ứng các khu vực ngập lụt và các dự án quan trọng khác: 18 dự án với kinh phí bố trí giai đoạn 2021-2025 là 14.390 triệu đồng¹;

(9) Nguồn vốn phân bổ sau khi hoàn thiện thủ tục theo quy định: 143.000 triệu đồng (gồm: bổ sung vốn đối ứng cho Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị: 100.000 triệu đồng và Dự án Đường nối từ Quốc lộ 1A về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 1): 43.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 2, 3 kèm theo)

¹ Bố trí để thực hiện công tác lập chủ trương đầu tư, khảo sát, thiết kế dự án, đảm bảo theo quy định tại Khoản 2, Điều 89 Luật Đầu tư công.

C. Phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)

1. Tổng vốn điều chỉnh, phân bổ năm 2024: 500.346 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng cho các dự án đã bố trí năm 2024 có tỷ lệ giải ngân vốn cao: 82.330 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng vốn cho các dự án bổ sung vào KH ĐTC trung hạn đợt này: 418.016 triệu đồng, trong đó:

+ Điều chỉnh tăng cho các dự án bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn đợt này: 80.170 triệu đồng;

+ Bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 cho các dự án từ nguồn vốn vượt thu tiền sử dụng đất 2022 đã bổ sung vào KH ĐTC trung hạn: 281.380 triệu đồng;

+ Bổ sung kế hoạch vốn năm 2024 từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2022 để bố trí lại cho các dự án bị hủy dự toán: 56.466 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ

2.1. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ các dự án Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý):

- (1) Trả nợ các dự án hoàn thành, quyết toán và trả nợ XDCCB;
- (2) Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA;
- (3) Bố trí vốn để đầu tư hoàn thành các dự án còn thiếu vốn do phát sinh về PCCC; GPMB, bổ sung thiết bị, nội thất...để hoàn thiện công trình.
- (4) Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới cần thiết, cấp bách.

2.2. Phương án phân bổ năm 2024

Tổng số vốn phân bổ năm 2024: 418.016 triệu đồng, cụ thể:

- (1) Bố trí trả nợ xây dựng cơ bản với số tiền: 116.027 triệu đồng
- (2) Bổ sung vốn đối ứng cho 01 dự án ODA đã hoàn thiện thủ tục: Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới (ADB): 33.800 triệu đồng.
- (3) Bổ sung vốn để đầu tư hoàn thành các dự án còn thiếu vốn: 88.520 triệu đồng.
- (4). Đầu tư lĩnh vực nông nghiệp với số tiền: 31.000 triệu đồng.
- (5) Đầu tư cho Lĩnh vực giáo dục với số tiền: 90.703 triệu đồng.
- (6) Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã (56 xã): 1.000 triệu đồng.
- (7) Đầu tư trang thiết bị nghiệp vụ phòng chống tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao: 500 triệu đồng.
- (8) Bố trí lại cho 04 dự án hủy dự toán kéo dài 2022 sang 2023: 56.466 triệu đồng (Theo biên bản xác nhận hủy dự toán của Sở Tài chính – Kho bạc Nhà nước tỉnh).

(Chi tiết tại các Phụ lục 4, 5 kèm theo)

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành liên quan và các Ban của HĐND tỉnh tham gia thẩm tra Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm

2024 nguồn ngân sách tỉnh quản lý, đảm bảo quy trình, thủ tục trong xây dựng Nghị quyết.

IV. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT:

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều, trong đó:

Điều 1: Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý)

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (nguồn Ngân sách tỉnh quản lý).

Điều 3. Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Phong Phú

PHỤ LỤC 1

BỘ SƯNG DANH MỤC DỰ ÁN VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Tờ trình số 1911 /TTT-UBND ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	BỘ SƯNG DANH MỤC VÀ NGUỒN VỐN VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025				588.000	348.000	60.000	288.000	
1	Đường và kẻ nối nối Nhặt Lẻ 2 đến khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão và hậu cần nghề cá (phía Nam Cầu Nhặt Lẻ 3) thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023-2025	123/NQ-HBND ngày 13/7/2023; 2997/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	298.000	298.000	60.000	238.000	Thông báo số 1127-TB/TU ngày 05/02/2024 và 877-TB/TU ngày 6/6/2023 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; VB số 36/TT-HĐND-VP ngày 12/03/2024; 90/TT-HĐND-VP ngày 20/6/2023 của Thường trực HĐND; Quyết định 677/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh và Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 về giao vốn cho dự án
2	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2025	4364/QĐ-UBND ngày 25/12/2021; 554/QĐ-UBND ngày 8/3/2024	290.000	50.000		50.000	Thông báo số 877-TB/TU ngày 6/6/2023 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; VB số 90/TT-HĐND-VP ngày 20/6/2023 của Thường trực HĐND và Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 22/5/2024

PHỤ LỤC 2

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
 (Kèm theo Tờ trình số 194/Tr-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	KH 2021-2025	Điều chỉnh		KH 2021-2025 đã được điều chỉnh đến thời điểm báo cáo	Điều chỉnh đợt này		KH 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		Giảm (-)	Tăng (+)		
	TỔNG SỐ	13.947.432	362.050	362.050	13.947.432	493.887	1.271.267	14.724.812	
*	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị quyết 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; Nghị quyết 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	13.947.432	362.050	362.050	13.947.432	493.887	493.887	13.947.432	
A	Vốn do tỉnh phân bổ đã có trong trung hạn	6.870.592	362.050	362.050	6.870.592	493.887	493.887	6.870.592	
I	Phân bổ theo thứ tự ưu tiên	1.177.734	362.050		1.015.684	358.250		657.434	
1	Bổ trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB	257.050	157.050		100.000			100.000	
2	Vốn đối ứng các dự án ODA	730.684	155.000		575.684	283.250		292.434	
a	Vốn bổ trí đối ứng các dự án chuyển tiếp	291.494			291.494			291.494	
	Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch giai đoạn 2	54.190			54.190	53.250		940	
b	Dự án phát triển hạ tầng bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Bình	255.000	155.000		100.000	100.000			
c	Dự phòng đối ứng các dự án ODA	130.000			130.000	130.000			
3	Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch	70.000			70.000			70.000	
4	Hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình)	120.000	50.000		70.000			70.000	

TT	Danh mục Dự án	KH 2021-2025	Điều chỉnh		KH 2021-2025 đã được điều chỉnh đến thời điểm báo cáo	Điều chỉnh đợt này		KH 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		Giảm (-)	Tăng (+)		
5	Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh	200.000			200.000	75.000		125.000	
a	Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025	195.000			195.000	75.000		120.000	
b	Hỗ trợ đầu tư PCCC theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành	5.000			5.000			5.000	
II	Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp, trọng điểm, khởi công mới	5.492.858		127.000	5.619.858	135.637		5.484.221	
I	Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp, trọng điểm, khởi công mới	5.350.221		127.000	5.477.221			5.477.221	
2	Dự phòng KH ĐTC trung hạn 2021-2025	62.637			62.637	55.637		7.000	
3	Đầu tư khắc phục thích ứng các khu vực ngập lụt ¹	80.000			80.000	80.000			
III	Nguồn vốn đã bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn (Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 2/10/2023) chưa phân bổ			235.050	235.050			235.050	Phân bổ chi tiết tại phụ lục 3
IV	Điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án vào KHDTC trung hạn 2021-2025						493.887	493.887	Phân bổ chi tiết tại phụ lục 3
B	Vốn Huyện phân bổ đã có trong trung hạn	7.076.840			7.076.840			7.076.840	
*	Cập nhật bổ sung nguồn vượt thu tiền đất năm 2021-2022 vào đầu tư công trung hạn 2021-2025						777.380	777.380	
-	Bổ sung vốn từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2022 chưa phân bổ							281.380	Phân bổ chi tiết tại phụ lục 3
-	Cập nhật, bổ sung vào trung hạn 2021-2025 6 dự án đã được bố trí vốn từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất 2021-2022						496.000	496.000	

PHẦN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 1911/TT-UBND ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHỤ LỤC 3

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng									
TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025 (phần bổ đợt này)	Kế hoạch 2021 - 2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMBT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST			
TỔNG CỘNG									
A	PHẦN BỐ DỰ ÁN				3.422.229	2.023.592	553.968	1.010.317	1.564.285
I	Trả nợ xây dựng cơ bản				3.422.229	2.023.592	553.968	867.317	1.421.285
1	Dự án rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2010-2014	2338/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; 944/QĐ-UBND ngày 26/4/2013	257.147	106.127		106.127	106.127
2	Kê biến Quảng Phú, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2020-2022	4614/QĐ-UBND ngày 27/11/2019	14.995	3.640		3.640	3.640
3	Kê biến Nhân Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2020-2022	4032/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	30.000	6.260		6.260	6.260
II	Bổ sung vốn đối ứng cho các Dự án ODA				748.828	244.145	93.748	33.800	127.548
1	Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới (ADB)	Đồng Hới	2015-2024		748.828	244.145	93.748	33.800	127.548
III	Bổ sung vốn để đầu tư hoàn thành các dự án				1.236.100	815.920	460.220	272.100	732.320
1	Trang thiết bị nội thất và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Văn hóa huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2024-2025		20.000	20.000		20.000	20.000
2	Dự án Cầu Lọc Thủy - An Thủy và đường hai đầu cầu	Lệ Thủy	2022-2025		10.000	10.000		10.000	10.000
3	Dự án Trung tâm truyền thông - Giáo dục sức khỏe tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2024-2025		9.500	9.500		9.500	9.500
4	Xây dựng công trình chống sạt lở đồi núi Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2024-2026		43.000	43.000	17.500	3.000	20.500
5	Dự án Đầu tư xây dựng khoa Ung bướu-xạ trị, bệnh viện hữu nghị Việt Nam- Cu Ba Đồng Hới	Đồng Hới	2024-2025		95.000	95.000	48.000	47.000	95.000
6	Dự án Bệnh viện đa khoa Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022-2025		375.000	375.000	291.000	75.000	366.000
7	Nâng cấp, cải tạo các Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, tỉnh Quảng Bình								
7.1	Dự án thành phần 1 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025		19.000	4.000		4.000	4.000
7.2	Dự án thành phần 4 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023-2025		27.800	7.800		7.800	7.800
7.3	Dự án thành phần 5- Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025		28.900	3.900		3.900	3.900

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025 (đã phân bổ)	Kế hoạch 2021 - 2025 (phần bổ đợt này)	Kế hoạch 2021 - 2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
8	Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo, khởi nghiệp	Đồng Hới	2022-2025		8.900	8.720	5.820	2.900	8.720	
9	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình (CDC)	Đồng Hới	2022-2025		259.000	109.000	67.900	39.000	106.900	
10	Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2025		340.000	130.000	30.000	50.000	80.000	Đã cấp nhất tại phụ lục 1 thêm: 50 tỷ đồng nguồn vượt thu
IV	Đầu tư lĩnh vực nông nghiệp				472.659	139.000		121.000	121.000	
1	Nâng cấp hồ chứa nước Dạ Lam	Lê Thủy	2024-2025		14.000	14.000		14.000	14.000	
2	Xây dựng một số hạng mục thiết yếu Cảng cá Nhật Lệ tại thôn Cùn Phú, xã Bảo Ninh	Đồng Hới	2024-2025		21.000	21.000		21.000	21.000	
3	Đầu tư xây dựng cảng cá Roòn (giai đoạn 2)	Quảng Trạch	2024-2025		20.000	20.000		20.000	20.000	
4	Xây dựng củng cố đê, kè chống sạt lở của sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới giai đoạn 2 (đoạn từ Km0+724 đến Km1+200)	Đồng Hới	2024-2026		48.000	48.000		30.000	30.000	
5	Nâng cấp Hồ Trốc Vực	Bố Trạch	2024-2025		20.000	20.000		20.000	20.000	
6	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá Bắc Giang (Tiểu dự án bà GPMB)	Ba Đồn	2024-2025	4895/QĐ-BNN-TS ngày 16/11/2023; 1528/QĐ-BNN-TS ngày 3/6/2024	349.659	16.000		16.000	16.000	
V	Lĩnh vực giáo dục				70.000	140.000		140.000	140.000	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các trường THPT đảm bảo các trường đạt chuẩn quốc gia theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra	Toàn tỉnh	2024-2025		70.000	70.000		70.000	70.000	
-	Xây dựng nhà vệ sinh, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất khác Trường THCS và THPT Trung Hoà	Mình Hòa	2024-2025		3.000	3.000		3.000	3.000	
-	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 6 phòng, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hòa	2024-2025		12.000	12.000		12.000	12.000	
-	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 12 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Trần Phú	Bố Trạch	2024-2025		14.000	14.000		14.000	14.000	
-	Xây dựng dãy nhà lớp học 3 tầng 9 phòng học và cơ sở vật chất khác Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh	Đồng Hới	2024-2025		8.500	8.500		8.500	8.500	
-	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 6 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Đào Duy Từ	Đồng Hới	2024-2025		8.500	8.500		8.500	8.500	
-	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 04 phòng học và 6 phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hòa	2024-2025		13.000	13.000		13.000	13.000	
-	Xây dựng khối phòng học 3 tầng (8 phòng bộ môn + thư viện) và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Việt Trung	Bố Trạch	2024-2025		11.000	11.000		11.000	11.000	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025 (đã phân bổ)	Kế hoạch 2021 - 2025 (phần bổ đợt này)	Kế hoạch 2021 - 2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMBT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
2	Hỗ trợ các huyện, thị xã đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học đảm bảo các trường đạt chuẩn quốc gia		2024-2025			70.000	70.000	70.000	Giao HĐND các huyện, thị xã thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư và phân bổ các dự án sau khi UBND tỉnh thông nhất danh mục dự án đầu tư	
-	Huyện Lệ Thủy							10.000	10.000	
-	Huyện Quảng Ninh							10.000	10.000	
-	Huyện Bố Trạch							10.000	10.000	
-	Thị xã Ba Đồn							10.000	10.000	
-	Huyện Quảng Trạch							10.000	10.000	
-	Huyện Tuyên Hóa							10.000	10.000	
-	Huyện Minh Hóa							10.000	10.000	
VI	Đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã (56 xã) thuộc Công an tỉnh Quảng Bình		2024-2025		140.000	140.000		140.000	140.000	
VII	Đầu tư trang thiết bị nghiệp vụ phòng chống tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao		2024-2025		30.000	30.000		30.000	30.000	
VIII	Chuẩn bị đầu tư các Dự án khắc phục, thích ứng các khu vực ngập lụt và dự án quan trọng khác				422.500	398.500		14.390	14.390	
1	Xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A	Đồng Hới	2026-2028		25.000	25.000		1.000	1.000	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường liên 3 xã Quảng Trung, Quảng Thủy, Quảng Sơn thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1)	Ba Đồn	2026-2028		30.000	30.000		1.000	1.000	
3	Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm huyện kết nối các khu dân cư phía Tây, trung tâm huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2026-2028		35.000	35.000		1.390	1.390	
4	Nâng cấp tuyến đường trục chính từ Hòa Bình đi Hữu Tân, xã Tân Ninh	Quảng Ninh	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
5	Tuyến đường liên xã Thanh Trạch, Bắc Trạch, Hạ Mỹ thuộc huyện Bố Trạch (giai đoạn 1)	Bố Trạch	2026-2028		60.000	60.000		2.000	2.000	
6	Kê sông Phú Vinh (đoạn từ Cầu Đức Nghĩa đến đường Điện Biên Phủ), TP Đồng Hới	Đồng Hới	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
7	Khắc phục tuyến đường trung tâm xã Hòa Tiến đi xã Hòa Thanh và kết nối đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
8	Đường kết hợp gia cố mái kè xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
9	Xây dựng tuyến đường tránh lũ Thủy điện Hồ Hồ xã Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
10	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 9C đi khu du lịch suối nước khoáng Bang, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
11	Xây dựng tuyến đường ngập lụt từ trung tâm xã Quảng Lưu đi trung tâm xã Quảng Trạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2026-2028		25.000	25.000		1.000	1.000	
12	Tuyến đường từ Quốc lộ 1 đi đường ven biển tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch (giai đoạn 1)	Bố Trạch	2026-2028		64.000	40.000		1.500	1.500	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025 (đã phân bổ)	Kế hoạch 2021 - 2025 (phân bổ đợt này)	Kế hoạch 2021 - 2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
13	Đầu tư xây dựng tuyến đường Phan Bội Châu, tổ dân phố 4, thị trấn Quy Đạt	Mình Hóa	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
14	Đầu tư kê chống xói lở đoạn từ vườn Phụ Lão thôn Long Trung đến thôn Tiên Phan, xã Quảng Tiên	Ba Đồn	2026-2028		13.500	13.500		500	500	
15	Xây dựng tuyến đường kết nối Hàm Hòa-Trường Niên, xã Hàm Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2026-2028		22.000	22.000		1.000	1.000	
16	Đường nối từ đường Hồ Chí Minh nhánh Đông đi Lâm trường Phú Lâm, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
17	Xây dựng hệ thống công trình phục vụ giáo dục thể chất Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	Đông Hới	2026-2028		18.000	18.000		500	500	
18	Cải tạo, nâng cấp sửa chữa một số tổ, trạm thuộc BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Toàn tỉnh	2026-2028		10.000	10.000		500	500	
IX	Nguồn vốn còn lại phân bổ sau							143.000	143.000	Sẽ phân bổ sau chi tiết cho 02 Dự án sau khi hoàn thành thủ tục theo quy định.

PHỤ LỤC 4
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 1911/TT-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng										
TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 2024	Điều chỉnh		KH 2024 điều chỉnh
				Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT Trong đó: NST		Giảm (-)	Tăng (+)	
	TỔNG SỐ						277.657	162.500	500.346	615.503
A	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2024						277.657	162.500	162.500	277.657
I	Điều chỉnh giám kế hoạch 2024						173.357	162.500		10.857
1	Đầu tư khắc phục, thích ứng các khu vực ngập lụt						30.000	30.000		
2	Dự phòng ODA						70.000	70.000		
3	Hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình)						19.501	17.500		2.001
4	Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch						35.000	30.000		5.000
5	Nguồn vốn công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ xây dựng cơ bản thuộc ngân sách tỉnh						18.856	15.000		3.856
II	Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2024				669.869	588.513	104.300		162.500	266.800
a	Điều chỉnh tăng vốn cho các công trình đang triển khai				669.869	588.513	104.300		82.330	186.630

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 2024	Điều chỉnh		KH 2024 điều chỉnh	Ghi chú
				Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
				3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 1749/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	177.769	96.413	4.400		7.000	11.400	
1	Dự án môi trường bên vịnh các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đông Hải (WB)	Đông Hải	2015-2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2504/QĐ-UBND ngày 07/09/2023	28.000	28.000	8.500		8.000	16.500	
2	Xây dựng tuyến đường 30 nối QL1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lê Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3479/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	34.000	34.000	11.800		5.000	16.800	
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, Thị trấn Nông trường Lê Ninh	Lê Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2591/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	17.000	17.000	2.500		3.000	5.500	
4	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hối Cùn, xã An Thủy đi phía Tây huyện Lê Thủy	Lê Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3403/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	30.000	30.000	2.000		4.000	6.000	
5	Hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy, Thái Thủy và Dương Thủy	Lê Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	4.800		3.250	8.050	
6	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quý Đại, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3416/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	19.000	19.000	8.500		2.000	10.500	
7	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lạc (đoạn từ Sơn Lạc đi ngã ba Thọ Lạc)	Bố Trạch	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1853/QĐ-UBND ngày 07/07/2023	65.000	65.000	18.500		10.000	28.500	
8	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3893/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	18.000	18.000	4.200		5.000	9.200	
9	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3930/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	28.000	28.000	4.500		3.000	7.500	
10	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập trên hồ chứa nước Tróc Trâu (Giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2023-2025								

1

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 2024	Điều chỉnh		KH 2024 điều chỉnh	Ghi chú
				Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMDT			Giảm (-)	Tăng (+)		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
11	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3649/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	28.000	28.000	5.000		5.000	10.000	
12	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho BQL Khu DTNN Đông Châu-Khe Nước Trong	Lệ Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3161/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	20.000	20.000	1.600		1.900	3.500	
13	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hòa và Hương Hòa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3352/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	24.000	24.000	5.500		3.430	8.930	
14	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thị trấn Đồng Lê đi Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3019/QĐ-UBND ngày 3/11/2022	25.000	25.000	800		2.350	3.150	
15	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình	Đồng Hới	2023-2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 1712/QĐ-UBND ngày 17/12/2022	8.000	8.000	1.200		1.930	3.130	
16	Đường Nguyễn Hữu Cánh nói dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3503/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	27.000	27.000	6.500		3.000	9.500	
17	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến Trạm biển phường Cảng Gianh phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3318/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	37.000	37.000	1.000		790	1.790	
18	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3853/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.100	15.100	3.000		4.000	7.000	
19	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2982/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	32.000	32.000	8.000		6.000	14.000	
20	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3894/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	22.000	22.000	2.000		3.680	5.680	
b	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024 (phân bổ cho các dự án bổ sung trung hạn)								80.170	80.170	

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 2024	Điều chỉnh		KH 2024 điều chỉnh	Ghi chú	
				Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMBĐT			Giảm (-)	Tăng (+)			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST						
B	Bổ sung tăng kế hoạch vốn năm 2024 từ nguồn vốn vượt thu sử dụng đất 2022 (đã bổ sung trung hạn)								281.380	281.380	Phần bổ tại phụ lục 5	
C	Bổ sung tăng kế hoạch vốn năm 2024 từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2022 để bổ trí lại cho 4 dự án hấy dự toán									56.466	56.466	

PHỤ LỤC 5
PHẦN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 1911 /TTr-UBND ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMĐT		Trong đó: NST			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
	TỔNG CỘNG							1.436.395	418.016	
A	PHẦN BỐ DỰ ÁN							1.436.395	361.550	
I	Trả nợ xây dựng cơ bản							116.027	116.027	
1	Dự án rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2010-2014	2338/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; 944/QĐ-UBND ngày 26/4/2013	257.147		106.127	106.127	106.127	
2	Kè biển Quảng Phú, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2020-2022	4614/QĐ-UBND ngày 27/11/2019	14.995		3.640	3.640	3.640	
3	Kè biển Nhân Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2020-2022	4032/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	30.000		6.260	6.260	6.260	
II	Bổ sung vốn đối ứng cho các Dự án ODA							127.548	33.800	
1	Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới (ADB)	Đồng Hới	2015-2024				127.548	127.548	33.800	
III	Bổ sung vốn để đầu tư hoàn thành các dự án							761.100	88.520	
1	Trang thiết bị nội thất và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Văn hóa huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2024-2025				20.000	20.000	5.320	
2	Dự án Cầu Lọc Thủy - An Thủy và đường hai đầu cầu	Lệ Thủy	2022-2025				10.000	10.000	10.000	
3	Dự án Trung tâm truyền thông - Giáo dục sức khỏe tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2024-2025				9.500	9.500	3.000	
4	Dự án Đầu tư xây dựng khoa Ung bướu-xạ trị, bệnh viện hữu nghị Việt Nam- Cu Ba Đồng Hới	Đồng Hới	2024-2025		95.000		95.000	95.000	10.000	
5	Dự án Bệnh viện đa khoa Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022-2025		375.000		375.000	366.000	4.000	
6	Nâng cấp, cải tạo các Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, tỉnh Quảng Bình									
6.1	Dự án thành phần 1 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025		19.000		4.000	4.000	4.000	
6.2	Dự án thành phần 4 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023-2025		27.800		7.800	7.800	7.800	
6.3	Dự án thành phần 5- Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025		28.900		3.900	3.900	3.900	

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMBĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
7	Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo, khởi nghiệp	Đồng Hới	2022-2025		8.900	2.900	8.720	500		
8	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình (CDC)	Đồng Hới	2022-2025		259.000	109.000	106.900	20.000		
9	Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2025		340.000	130.000	130.000	20.000		
IV	Đầu tư lĩnh vực nông nghiệp					139.000	121.000	31.000		
1	Nâng cấp hồ chứa nước Dại Lam	Lệ Thủy	2024-2025		14.000	14.000	14.000	3.000		
2	Xây dựng một số hạng mục thiết yếu Cảng cá Nhật Lệ tại thôn Cha Phú, xã Bảo Ninh	Đồng Hới	2024-2025		21.000	21.000	21.000	4.000		
3	Đầu tư xây dựng cảng cá Roan (giai đoạn 2)	Quảng Trạch	2024-2025		20.000	20.000	20.000	4.000		
4	Xây dựng công cố đê, kè chống sạt lở cửa sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới giai đoạn 2 (đoạn từ Km0+724 đến Km1+200)	Đồng Hới	2024-2026		48.000	48.000	30.000	7.000		
5	Nâng cấp Hồ Troóc Vực	Bố Trạch	2024-2025		20.000	20.000	20.000	5.000		
6	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá Bắc Giang (Hỗ trợ đền bù GPMB)	Ba Đồn	2024-2025	4895/QĐ-BNN-TS ngày 16/11/2023; 1528/QĐ-UBND ngày 3/6/2024	349.659	16.000	16.000	8.000		
V	Lĩnh vực giáo dục					140.000	140.000	20.703		
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các trường THPT đảm bảo các trường đạt chuẩn quốc gia theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra	Toàn tỉnh	2024-2025			70.000	70.000	20.703		
-	Xây dựng nhà vệ sinh, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất khác Trường THCS và THPT Trung Hoà	Mình Hòa	2024-2025		3.000	3.000	3.000	1.500		
-	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 6 phòng, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2024-2025		12.000	12.000	12.000	3.000		
-	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 12 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Trần Phú	Bố Trạch	2024-2025		14.000	14.000	14.000	3.500		
-	Xây dựng dãy nhà lớp học 3 tầng 9 phòng học và cơ sở vật chất khác Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh	Đồng Hới	2024-2025		8.500	8.500	8.500	2.500		
-	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 6 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Đào Duy Từ	Đồng Hới	2024-2025		8.500	8.500	8.500	2.500		

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT Trong đó: NST			
-	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 04 phòng học và 6 phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hòa	2024-2025		13.000	13.000	13.000	4.000	
-	Xây dựng khối phòng học 3 tầng (8 phòng bộ môn + thư viện) và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Việt Trung	Bố Trạch	2024-2025		11.000		11.000	3.703	
2	Hỗ trợ các huyện, thị xã đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học đảm bảo các trường đạt chuẩn quốc gia		2024-2025			70.000	70.000	70.000	Giao HĐND các huyện, thị xã thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư và phân bổ các dự án sau khi UBND tỉnh thống nhất danh mục dự án đầu tư
-	Huyện Lệ Thủy							10.000	
-	Huyện Quảng Ninh							10.000	
-	Huyện Bố Trạch							10.000	
-	Thị xã Ba Đồn							10.000	
-	Huyện Quảng Trạch							10.000	
-	Huyện Tuyên Hóa							10.000	
-	Huyện Minh Hóa							10.000	
VI	Đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã (56 xã) thuộc Công an tỉnh Quảng Bình		2024-2025			140.000	140.000	1.000	
VII	Đầu tư trang thiết bị nghiệp vụ phòng chống tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao		2024-2025			30.000	30.000	500	
B	Bổ sung vốn cho các dự án hủy dự toán kéo dài 2022 sang 2023					56.466		56.466	Đã có ý kiến của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 339/TB-BCSD ngày 10/9/2024
1	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2025	Quyết định số 4364/QĐ-UBND ngày 25/12/2021; Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 08/3/2024		3.122		3.122	
2	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bàu Tró	Đồng Hới	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/03/2022		1.500		1.500	
3	Dự án thành phần 1-Đường ven biển	Toàn tỉnh	2021-2026	1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021; 1807/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; 812/QĐ-UBND ngày 29/3/2022		43.774		43.774	Đã hủy dự toán theo biên bản làm việc giữa Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước tỉnh
4	Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới (ADB)	Đồng Hới	2015-2024	221/QĐ-UBND ngày 28/1/2015; 1627/QĐ-UBND ngày 19/6/2023		8.070		8.070	

NGHỊ QUYẾT

**Về Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025 và năm 2024 (Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-
CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh
của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân
tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh
quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân
dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 1)
và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn
ngân sách tỉnh quản lý; Nghị quyết 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 và Nghị quyết
số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh
kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Thông báo kết luận số 1324 -TB/TU ngày 30/9/2024 của Tỉnh ủy Quảng
Bình thông báo kết luận Hội nghị lần thứ 68 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2024 của Hội đồng nhân
dân tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /20/2024 của Hội đồng nhân dân
tỉnh về phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công;

Xét Tờ trình số 1911/TTr-UBND ngày .../.../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh
về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Điều chỉnh Kế
hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và phân bổ Kế hoạch đầu tư
công năm 2024 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý); sau khi nghe
Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-
2025 (Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) như sau:

1. Bổ sung 02 danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với số tiền: 348.000 triệu đồng (từ nguồn vượt thu tiền đất)
(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với số tiền: 1.010.317 triệu đồng, trong đó:

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn: 728.937 triệu đồng
- Bổ sung từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2022: 281.380 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 2,3 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) với số tiền: 500.346 triệu đồng

(Chi tiết có Phụ lục 4,5 kèm theo)

Điều 3. Hội đồng nhân dân giao:

- UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 25 tháng 10 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH QB;
- Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND tỉnh.

PHỤ LỤC 1

BỘ SƯNG DANH MỤC DỰ ÁN VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	BỘ SƯNG DANH MỤC VÀ NGUỒN VỐN VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025				588.000	348.000	60.000	288.000	
1	Đường và bến nổi nổi Nhặt Lẻ 2 đến khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão và hậu cần nghề cá (phía Nam Cầu Nhặt Lẻ 3) thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023-2025	123/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; 2997/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	298.000	298.000	60.000	238.000	Thông báo số 1127-TB/TU ngày 05/02/2024 và 877-TB/TU ngày 6/6/2023 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; VB số 36/TTĐND-VP ngày 12/03/2024; 90/TTĐND-VP ngày 20/6/2023 của Thường trực HĐND; Quyết định 677/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh và Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 về giao vốn cho dự án
2	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2025	4364/QĐ-UBND ngày 25/12/2021; 554/QĐ-UBND ngày 8/3/2024	290.000	50.000		50.000	Thông báo số 877-TB/TU ngày 6/6/2023 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; VB số 90/TTĐND-VP ngày 20/6/2023 của Thường trực HĐND và Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 22/5/2024

PHỤ LỤC 2
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
 (Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh)

TT	Danh mục Dự án	KH 2021-2025	Điều chỉnh		KH 2021-2025 đã được điều chỉnh đến thời điểm báo cáo	Điều chỉnh đợt này		KH 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		Giảm (-)	Tăng (+)		
	TỔNG SỐ	13.947.432	482.990	482.990	13.947.432	493.887	1.271.267	14.724.812	
*	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị quyết 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; Nghị quyết 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	13.947.432	482.990	482.990	13.947.432	493.887	493.887	13.947.432	
A	Vốn do tỉnh phân bổ đã có trong trung hạn	6.870.592	482.990	482.990	6.870.592	493.887	493.887	6.870.592	
I	Phân bổ theo thứ tự ưu tiên	1.177.734	362.990		894.744	358.250		536.494	
1	Bố trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB	257.050	157.050		100.000			100.000	
2	Vốn đối ứng các dự án ODA	730.684	155.940		574.744	283.250		291.494	
a	Vốn bố trí đối ứng các dự án chuyển tiếp	291.494			291.494			291.494	
	Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch giai đoạn 2	54.190	940		53.250	53.250			
b	Dự án phát triển hạ tầng bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Bình	255.000	155.000		100.000	100.000			
c	Dự phòng đối ứng các dự án ODA	130.000			130.000	130.000			
3	Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch	70.000			70.000			70.000	
4	Hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình)	120.000	50.000		70.000			70.000	

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	KH 2021-2025	Điều chỉnh		KH 2021-2025 đã được điều chỉnh đến thời điểm báo cáo	Điều chỉnh đợt này		KH 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		Giảm (-)	Tăng (+)		
5	Đổi ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh	200.000	120.000		80.000	75.000		5.000	
a	Đổi ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025	195.000	120.000		75.000	75.000			
b	Hỗ trợ đầu tư PCCC theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành	5.000			5.000			5.000	
II	Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp, trọng điểm, khởi công mới	5.492.858		105.303	5.598.161			5.598.161	
III	Dự phòng KH ĐTC trung hạn 2021 -2025			62.637	62.637	55.637		7.000	
IV	Đầu tư khắc phục thích ứng các khu vực ngập lụt			80.000	80.000	80.000			
V	Nguồn vốn đã bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn (Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 2/10/2023) chưa phân bổ			235.050	235.050			235.050	Phân bổ chi tiết tại phụ lục 3
VI	Điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án vào KHĐTC trung hạn 2021 -2025						493.887	493.887	Phân bổ chi tiết tại phụ lục 3
B	Vốn Huyện phân bổ đã có trong trung hạn	7.076.840			7.076.840			7.076.840	
*	Cập nhật bổ sung nguồn vượt thu tiền đất năm 2021 -2022 vào đầu tư công trung hạn 2021-2025						777.380	777.380	
-	Bổ sung vốn từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2022 chưa phân bổ						281.380	281.380	Phân bổ chi tiết tại phụ lục 3
-	Cập nhật, bổ sung vào trung hạn 2021-2025 6 dự án đã được bổ trí vốn từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất 2021-2022						496.000	496.000	

PHỤ LỤC 3
PHẦN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025 (đã phân bổ)	Kế hoạch 2021 - 2025 (phần bổ đợt này)	Kế hoạch 2021 - 2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMBT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
TỔNG CỘNG										
A	PHẦN BỐ DỰ ÁN				3.422.229	2.023.592	553.968	1.010.317	1.564.285	
I	Trả nợ xây dựng cơ bản				3.422.229	2.023.592	553.968	867.317	1.421.285	
					302.142	116.027		116.027		
1	Dự án rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2010-2014	2338/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; 944/QĐ-UBND ngày 26/4/2013	257.147	106.127		106.127	106.127	
2	Kế biên Quảng Phú, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2020-2022	4614/QĐ-UBND ngày 27/11/2019	14.995	3.640		3.640	3.640	
3	Kế biên Nhân Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2020-2022	4032/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	30.000	6.260		6.260	6.260	
II	Bổ sung vốn đối ứng cho các Dự án ODA				748.828	244.145	93.748	33.800	127.548	
1	Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới (ADB)	Đồng Hới	2015-2024		748.828	244.145	93.748	33.800	127.548	
III	Bổ sung vốn để đầu tư hoàn thành các dự án				1.236.100	815.920	460.220	272.100	732.320	
1	Trang thiết bị nội thất và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Văn hóa huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2024-2025		20.000	20.000		20.000	20.000	
2	Dự án Cầu Lọc Thủy - An Thủy và đường hai đầu cầu	Lê Thủy	2022-2025		10.000	10.000		10.000	10.000	
3	Dự án Trung tâm truyền thông - Giáo dục sức khỏe tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2024-2025		9.500	9.500		9.500	9.500	
4	Xây dựng công trình chống sạt lở đồi núi Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2024-2026		43.000	43.000	17.500	3.000	20.500	
5	Dự án Đầu tư xây dựng khoa Ung bướu-xạ trị, bệnh viện hữu nghị Việt Nam- Cu Ba Đồng Hới	Đồng Hới	2024-2025		95.000	95.000	48.000	47.000	95.000	
6	Dự án Bệnh viện đa khoa Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022-2025		375.000	375.000	291.000	75.000	366.000	
7	Nâng cấp, cải tạo các Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, tỉnh Quảng Bình									
7.1	Dự án thành phần 1 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025		19.000	4.000		4.000	4.000	
7.2	Dự án thành phần 4 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023-2025		27.800	7.800		7.800	7.800	
7.3	Dự án thành phần 5- Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Lê Thủy	Lê Thủy	2023-2025		28.900	3.900		3.900	3.900	

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025 (đã phân bổ)	Kế hoạch 2021 - 2025 (phần bỏ đợt này)	Kế hoạch 2021 - 2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
8	Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo, khởi nghiệp	Đồng Hới	2022-2025		8.900	8.720	5.820	2.900	8.720	
9	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình (CDC)	Đồng Hới	2022-2025		259.000	109.000	67.900	39.000	106.900	
10	Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2025		340.000	130.000	30.000	50.000	80.000	Đã cấp nhất tại phụ lục 1 thêm: 50 tỷ đồng nguồn vượt thu
IV	Đầu tư lĩnh vực nông nghiệp				472.659	139.000		121.000	121.000	
1	Nâng cấp hồ chứa nước Dã Lam	Lệ Thủy	2024-2025		14.000	14.000		14.000	14.000	
2	Xây dựng mới sở hang mục thiết yếu Cảng cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh	Đồng Hới	2024-2025		21.000	21.000		21.000	21.000	
3	Đầu tư xây dựng cảng cá Roon (giai đoạn 2)	Quảng Trạch	2024-2025		20.000	20.000		20.000	20.000	
4	Xây dựng củng cố đê, kè chống sạt lở cửa sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới giai đoạn 2 (đoạn từ Km0+724 đến Km1+200)	Đồng Hới	2024-2026		48.000	48.000		30.000	30.000	
5	Nâng cấp Hồ Trốc Vực	Bố Trạch	2024-2025		20.000	20.000		20.000	20.000	
6	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá Bắc Gianh (Hỗ trợ đến bù GPMB)	Ba Đồn	2024-2025	4895/QĐ-BNN-TS ngày 16/11/2023; 1528/QĐ-BNN-TS ngày 3/6/2024	349.659	16.000		16.000	16.000	
V	Lĩnh vực giáo dục				70.000	140.000		140.000	140.000	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các trường THPT đảm bảo các trường đạt chuẩn quốc gia theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra	Toàn tỉnh	2024-2025		70.000	70.000		70.000	70.000	
-	Xây dựng nhà vệ sinh, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất khác Trường THCS và THPT Trung Hoà	Mình Hòa	2024-2025		3.000	3.000		3.000	3.000	
-	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 6 phòng, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2024-2025		12.000	12.000		12.000	12.000	
-	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 12 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Trần Phú	Bố Trạch	2024-2025		14.000	14.000		14.000	14.000	
-	Xây dựng dãy nhà lớp học 3 tầng 9 phòng học và cơ sở vật chất khác Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh	Đồng Hới	2024-2025		8.500	8.500		8.500	8.500	
-	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 6 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Đào Duy Từ	Đồng Hới	2024-2025		8.500	8.500		8.500	8.500	
-	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 04 phòng học và 6 phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2024-2025		13.000	13.000		13.000	13.000	
-	Xây dựng khối phòng học 3 tầng (8 phòng bộ môn + thư viện) và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Việt Trung	Bố Trạch	2024-2025		11.000	11.000		11.000	11.000	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025 (đã phân bổ)	Kế hoạch 2021 - 2025 (phần bổ đợt này)	Kế hoạch 2021 - 2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
2	Hỗ trợ các huyện, thị xã đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học đảm bảo các trường đạt chuẩn quốc gia		2024-2025			70.000	70.000	70.000	Giao HĐND các huyện, thị xã thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư và phân bổ các dự án sau khi UBND tỉnh thông nhất danh mục dự án đầu tư	
-	Huyện Lệ Thủy							10.000	10.000	
-	Huyện Quảng Ninh							10.000	10.000	
-	Huyện Bố Trạch							10.000	10.000	
-	Thị xã Ba Đồn							10.000	10.000	
-	Huyện Quảng Trạch							10.000	10.000	
-	Huyện Tuyên Hóa							10.000	10.000	
-	Huyện Minh Hóa							10.000	10.000	
VI	Đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã (56 xã) thuộc Công an tỉnh Quảng Bình		2024-2025		140.000	140.000		140.000	140.000	
VII	Đầu tư trang thiết bị nghiệp vụ phòng chống tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao		2024-2025		30.000	30.000		30.000	30.000	
VIII	Chuẩn bị đầu tư các Dự án khác phục, thích ứng các khu vực ngập lụt và dự án quan trọng khác				422.500	398.500		14.390	14.390	
1	Xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A	Đồng Hới	2026-2028		25.000	25.000		1.000	1.000	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường liên 3 xã Quảng Trung, Quảng Thủy, Quảng Sơn thị xã Ba Đồn (Giai đoạn 1)	Ba Đồn	2026-2028		30.000	30.000		1.000	1.000	
3	Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm huyện kết nối các khu dân cư phía Tây, trung tâm huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2026-2028		35.000	35.000		1.390	1.390	
4	Nâng cấp tuyến đường trục chính từ Hòa Bình đi Hữu Tân, xã Tân Ninh	Quảng Ninh	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
5	Tuyến đường liên xã Thanh Trạch, Bắc Trạch, Hạ Mỹ thuộc huyện Bố Trạch (giai đoạn 1)	Bố Trạch	2026-2028		60.000	60.000		2.000	2.000	
6	Kê sông Phú Vĩnh (đoạn từ Cầu Đúc Nghĩa đến đường Điện Biên Phủ), TP Đồng Hới	Đồng Hới	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
7	Khắc phục tuyến đường trung tâm xã Hóa Tiến đi xã Hóa Thanh và kết nối đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
8	Đường kết hợp gia cố mái kè xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
9	Xây dựng tuyến đường tránh lũ Thủy điện Hồ Hô xã Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
10	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 9C đi khu du lịch suối nước khoáng Bang, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
11	Xây dựng tuyến đường ngập lụt từ trung tâm xã Quảng Lưu đi trung tâm xã Quảng Trạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2026-2028		25.000	25.000		1.000	1.000	
12	Tuyến đường từ Quốc lộ 1 đi đường ven biển tại xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch (giai đoạn 1)	Bố Trạch	2026-2028		64.000	40.000		1.500	1.500	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025 (đã phân bổ)	Kế hoạch 2021 - 2025 (phần bổ đợt này)	Kế hoạch 2021 - 2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
13	Đầu tư xây dựng tuyến đường Phan Bội Châu, tổ dân phố 4, thị trấn Quy Đạt	Minh Hòa	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
14	Đầu tư kê chống xói lở đoạn từ vườn Phụ Lão thôn Long Trung đến thôn Tiên Phan, xã Quảng Tiến	Ba Đồn	2026-2028		13.500	13.500		500	500	
15	Xây dựng tuyến đường kết nối Hàm Hòa-Trường Niên, xã Hàm Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2026-2028		22.000	22.000		1.000	1.000	
16	Đường nối từ đường Hồ Chí Minh nhánh Đông đi Lâm trường Phú Lâm, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2026-2028		15.000	15.000		500	500	
17	Xây dựng hệ thống công trình phục vụ giáo dục thể chất Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	Đông Hới	2026-2028		18.000	18.000		500	500	
18	Cải tạo, nâng cấp sửa chữa một số tổ, trạm thuộc BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Toàn tỉnh	2026-2028		10.000	10.000		500	500	
IX	Nguồn vốn còn lại phân bổ sau							143.000	143.000	Sẽ phân bổ sau chi tiết cho 02 Dự án sau khi hoàn thành thủ tục theo quy định.

PHỤ LỤC 4

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
 (Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 2024	Điều chỉnh		KH 2024 điều chỉnh	Ghi chú
				Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMDT			Giảm (-)	Tăng (+)		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
	TỔNG SỐ						277.657	162.500	500.346	615.503	
A	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2024						277.657	162.500	162.500	277.657	
I	Điều chỉnh giám kế hoạch 2024						173.357	162.500		10.857	
1	Đầu tư khác phục, thích ứng các khu vực ngập lụt						30.000	30.000			
2	Dự phòng ODA						70.000	70.000			
3	Hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình)						19.501	17.500		2.001	
4	Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch						35.000	30.000		5.000	
5	Nguồn vốn công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ xây dựng cơ bản thuộc ngân sách tỉnh						18.856	15.000		3.856	
II	Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2024						104.300		162.500	266.800	
a	Điều chỉnh tăng vốn cho các công trình đang triển khai						104.300		82.330	186.630	

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 2024	Điều chỉnh		KH 2024 điều chỉnh	Ghi chú
				Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
1	Dự án môi trường bên trong các thành phố duyên hải - Tiêu dự án thành phố Đông Hải (WB)	Đông Hải	2015-2024	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 1749/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	177.769	96.413	4.400		7.000	11.400	
2	Xây dựng tuyến đường 30 nối QL1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lê Thủy	2023-2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 2504/QĐ-UBND ngày 07/09/2023	28.000	28.000	8.500		8.000	16.500	
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hòa Thủy, Thị trấn Nông trường Lê Ninh	Lê Thủy	2023-2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3479/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	34.000	34.000	11.800		5.000	16.800	
4	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hối Chua, xã An Thủy đi phía Tây huyện Lê Thủy	Lê Thủy	2023-2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 2591/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	17.000	17.000	2.500		3.000	5.500	
5	Hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy, Thái Thủy và Dương Thủy	Lê Thủy	2023-2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3403/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	30.000	30.000	2.000		4.000	6.000	
6	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	4.800		3.250	8.050	
7	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (doan từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Bố Trạch	2023-2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3416/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	19.000	19.000	8.500		2.000	10.500	
8	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 1853/QĐ-UBND ngày 07/07/2023	65.000	65.000	18.500		10.000	28.500	
9	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3893/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	18.000	18.000	4.200		5.000	9.200	
10	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập trên hồ chứa nước Tróc Trầu (Giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3930/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	28.000	28.000	4.500		3.000	7.500	

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			KH 2024	Điều chỉnh		KH 2024 điều chỉnh	Ghi chú
				Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMĐT			Giảm (-)	Tăng (+)		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST					
11	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3649/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	28.000	28.000	5.000		10.000		
12	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho BQL Khu DTTN Đông Châu-Khe Nước Trong	Lệ Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3161/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	20.000	20.000	1.600	1.900	3.500		
13	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hóa và Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3352/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	24.000	24.000	5.500	3.430	8.930		
14	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thị trấn Đồng Lê đi Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3019/QĐ-UBND ngày 3/11/2022	25.000	25.000	800	2.350	3.150		
15	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình	Đồng Hới	2023-2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 1712/QĐ-UBND ngày	8.000	8.000	1.200	1.930	3.130		
16	Đường Nguyễn Hữu Cánh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3503/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	27.000	27.000	6.500	3.000	9.500		
17	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến Trại biên phòng Cánh Gianh phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3318/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	37.000	37.000	1.000	790	1.790		
18	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3853/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.100	15.100	3.000	4.000	7.000		
19	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2982/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	32.000	32.000	8.000	6.000	14.000		
20	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3894/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	22.000	22.000	2.000	3.680	5.680		
b	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024 (phân bổ cho các dự án bổ sung trung hạn)							80.170	80.170		

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư				KH 2024	Điều chỉnh		KH 2024 điều chỉnh	Ghi chú
				Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMBĐT		Giảm (-)		Tăng (+)			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST						
B	Bổ sung tăng kế hoạch vốn năm 2024 từ nguồn vốn vượt thu sử dụng đất 2022 (đã bổ sung trung hạn)								281.380	281.380	Phân bổ tại phụ lục 5	
C	Bổ sung tăng kế hoạch vốn năm 2024 từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2022 để bổ trí lại cho 4 dự án hủy dự toán								56.466	56.466		

PHỤ LỤC 5
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HBND ngày /10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMĐT		Trong đó: NST			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
	TỔNG CỘNG									
A	PHÂN BỐ DỰ ÁN								418.016	
I	Trà nọ xây dựng cơ bản								361.550	
1	Dự án rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2010-2014	2338/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; 944/QĐ-UBND ngày 26/4/2013	257.147	106.127	106.127	106.127		
2	Kè biển Quảng Phú, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2020-2022	4614/QĐ-UBND ngày 27/11/2019	14.995	3.640	3.640	3.640		
3	Kè biển Nhân Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2020-2022	4032/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	30.000	6.260	6.260	6.260		
II	Bổ sung vốn đối ứng cho các Dự án ODA								33.800	
1	Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới (ADB)	Đồng Hới	2015-2024			127.548	127.548	127.548	33.800	
III	Bổ sung vốn để đầu tư hoàn thành các dự án									
1	Trang thiết bị nội thất và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Văn hóa huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2024-2025			20.000	20.000	20.000	5.320	
2	Dự án Cầu Lọc Thủy - An Thủy và đường hai đầu cầu	Lệ Thủy	2022-2025			10.000	10.000	10.000		
3	Dự án Trung tâm truyền thông - Giáo dục sức khỏe tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2024-2025			9.500	9.500	9.500	3.000	
4	Dự án Đầu tư xây dựng khoa Ung bướu-xạ trị, bệnh viện hữu nghị Việt Nam- Cu Ba Đồng Hới	Đồng Hới	2024-2025		95.000	95.000	95.000	95.000	10.000	
5	Dự án Bệnh viện đa khoa Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022-2025		375.000	375.000	366.000	366.000	4.000	
6	Nâng cấp, cải tạo các Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, tỉnh Quảng Bình									
6.1	Dự án thành phần 1 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023-2025		19.000	4.000	4.000	4.000	4.000	
6.2	Dự án thành phần 4 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023-2025		27.800	7.800	7.800	7.800	7.800	
6.3	Dự án thành phần 5- Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023-2025		28.900	3.900	3.900	3.900	3.900	

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	TMĐT					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
7	Điểm trung bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo, khởi nghiệp		Đông Hới	2022-2025		8.900	2.900	8.720	500	
8	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Bình (CDC)		Đông Hới	2022-2025		259.000	109.000	106.900	20.000	
9	Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình		Đông Hới	2022-2025		340.000	130.000	130.000	20.000	
IV	Đầu tư lĩnh vực nông nghiệp						139.000	121.000	31.000	
1	Nâng cấp hồ chứa nước Dọ Lam		Lê Thủy	2024-2025		14.000	14.000	14.000	3.000	
2	Xây dựng một số hạng mục thiết yếu Cảng cá Nhật Lệ tại thôn Chà Phú, xã Bảo Ninh		Đông Hới	2024-2025		21.000	21.000	21.000	4.000	
3	Đầu tư xây dựng cảng cá Roon (giai đoạn 2)		Quảng Trạch	2024-2025		20.000	20.000	20.000	4.000	
4	Xây dựng công cố đê, kè chống sạt lở cửa sông Nhật Lệ, thành phố Đông Hới giai đoạn 2 (đoạn từ Km0+724 đến Km1+200)		Đông Hới	2024-2026		48.000	48.000	30.000	7.000	
5	Nâng cấp Hồ Trốc Vực		Bố Trạch	2024-2025		20.000	20.000	20.000	5.000	
6	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá Bắc Giang (Hỗ trợ dân bù GPMB)		Ba Đồn	2024-2025	4895/QĐ-BNN-TS ngày 16/11/2023; 1528/QĐ-UBND ngày 3/6/2024	349.659	16.000	16.000	8.000	
V	Lĩnh vực giáo dục						140.000	140.000	20.703	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các trường THPT đảm bảo các trường đạt chuẩn quốc gia theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra		Toàn tỉnh	2024-2025			70.000	70.000	20.703	
-	Xây dựng nhà vệ sinh, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất khác Trường THCS và THPT Trung Hoà		Mình Hóa	2024-2025		3.000	3.000	3.000	1.500	
-	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 6 phòng, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THPT Phan Bội Châu		Tuyên Hóa	2024-2025		12.000	12.000	12.000	3.000	
-	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 12 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Trần Phú		Bố Trạch	2024-2025		14.000	14.000	14.000	3.500	
-	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng học và cơ sở vật chất khác Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh		Đông Hới	2024-2025		8.500	8.500	8.500	2.500	
-	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 6 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Đào Duy Từ		Đông Hới	2024-2025		8.500	8.500	8.500	2.500	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
				Số, ngày tháng năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT Trong đó: NST			
-	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 04 phòng học và 6 phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2024-2025		13.000	13.000	13.000	4.000	
-	Xây dựng khối phòng học 3 tầng (8 phòng bộ môn + thư viện) và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Việt Trung	Bố Trạch	2024-2025		11.000	11.000	11.000	3.703	
2	Hỗ trợ các huyện, thị xã đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học đảm bảo các trường đạt chuẩn quốc gia		2024-2025			70.000	70.000	70.000	Giao HĐND các huyện, thị xã thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư và phân bổ các dự án sau khi UBND tỉnh thống nhất danh mục dự án đầu tư
-	Huyện Lệ Thủy							10.000	
-	Huyện Quảng Ninh							10.000	
-	Huyện Bố Trạch							10.000	
-	Thị xã Ba Đồn							10.000	
-	Huyện Quảng Trạch							10.000	
-	Huyện Tuyên Hóa							10.000	
-	Huyện Minh Hóa							10.000	
VI	Đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã (56 xã) thuộc Công an tỉnh Quảng Bình		2024-2025			140.000	140.000	1.000	
VII	Đầu tư trang thiết bị nghiệp vụ phòng chống tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao		2024-2025			30.000	30.000	500	
B	Bổ sung vốn cho các dự án hủy dự toán kéo dài 2022 sang 2023					56.466		56.466	Đã có ý kiến của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 339/TB-BCSD ngày 10/9/2024
1	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022-2025	Quyết định số 4364/QĐ-UBND ngày 23/12/2021; Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 08/3/2024		3.122		3.122	
2	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bàu Tró	Đồng Hới	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022		1.500		1.500	
3	Dự án thành phần 1-Đường ven biển	Toàn tỉnh	2021-2026	1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021; 1807/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; 812/QĐ-UBND ngày 29/3/2022		43.774		43.774	Đã hủy dự toán theo biên bản làm việc giữa Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước tỉnh
4	Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới (ADB)	Đồng Hới	2015-2024	221/QĐ-UBND ngày 28/1/2015; 1627/QĐ-UBND ngày 19/6/2023		8.070		8.070	